

Số: 1389/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 01 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình:
Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Tân Thành, huyện Bù Đốp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng về việc quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 19/5/2015 của Chính phủ về việc hỗ trợ kinh phí khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ Đông Xuân năm 2014-2015;

Căn cứ Thông tư số 13/2013/TT-BXD ngày 15/8/2013 của Bộ Xây dựng về việc quy định thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 19/8/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư và dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư xây dựng công trình Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Tân Thành, huyện Bù Đốp;

Căn cứ Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 11/3/2015 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn năm 2015;



Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Kết quả thẩm định số 895/KQTD-SXD ngày 26/6/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật (KTKT) xây dựng công trình: Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Tân Thành, huyện Bù Đốp với nội dung như sau:

1. Tên công trình: Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Tân Thành, huyện Bù Đốp.

2. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

3. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Viện Kỹ thuật Biển.

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng công trình:

- Cung cấp nước sinh hoạt đạt tiêu chuẩn cho khoảng 334 hộ dân (1.670 người) sinh sống dọc theo đường ĐT759B và khu vực dân cư tập trung, khu chợ, trường học, trạm y tế, các cơ quan hành chính và các cơ sở kinh doanh, sản xuất thuộc khu vực trung tâm xã Tân Thành, huyện Bù Đốp.

- Cải thiện môi trường sống, tình trạng sức khỏe cho người dân lao động, giúp người dân an tâm sản xuất, nâng cao đời sống, vật chất, tinh thần từng bước làm thay đổi bộ mặt nông thôn trong thời kỳ đổi mới. Đồng thời, tạo thói quen sử dụng nước sạch của người dân, nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm của nhân dân trong công tác quản lý và bảo vệ tài nguyên nước.

6. Nội dung và quy mô đầu tư:

6.1. Nội dung, quy mô đầu tư: Công trình gồm những hạng mục:

a) Giếng khoan, máy bơm cấp 1:

- Giếng khoan: Sử dụng 03 giếng khoan khai thác nước ngầm, mỗi giếng khoan sâu đạt 90-92m; vách giếng khoan được gia cố bằng ống nhựa uPVC Ø140; tổng công suất khai thác đồng thời của 03 giếng đạt 13,6m³/h.

- Máy bơm cấp 1: Sử dụng 03 máy bơm (hỏa tiễn), với lưu lượng mỗi máy 5m³/h, cột nước H=50m.

b) Bể lắng kết hợp điều tiết: Xây dựng 01 bể lắng kết hợp điều tiết; kích thước bể dài x rộng x cao (6,4 x 3,2 x 3,4)m. Bể được xây bằng BTCT M250 đá 1x2, tường bể dày 20cm; đáy bể BTCT M250 đá 1x2 dày 25cm; ngoài trát vữa dày 2mm.

c) Máy bơm nước từ bể lắng qua cụm xử lý: Sử dụng 03 máy bơm biến tần hoạt động luân phiên; lưu lượng bơm 7m³/h, cột nước nước máy bơm H=16m; bơm sử dụng điện 3 pha.

d) Cụm xử lý: Nước từ bể lắng được bơm vào cụm xử lý; cụm xử lý bao gồm 2 hệ thống độc lập mỗi hệ thống gồm cột lọc áp lực lọc thô và cột lọc áp lực làm mềm nước, các cột lọc có kết cấu composite:

- Sử dụng 02 cột lọc áp lực nước thô (cột số 1): Đường kính 750mm, cao 1.850mm, thể tích 790 lít. Vật liệu lọc bao gồm: sỏi đỏ 1x2 dày 15cm, cát lọc thạch anh

đường kính 0,5-1,2mm dày 50cm, than hoạt tính loại A dạng viên dày 30cm, hạt khử sắt MQ7 1-2mm dày 20cm, cát lọc thạch anh 0,5-1,2mm dày 15cm.

- Sử dụng 02 cột lọc áp lực làm mềm nước (cột lọc số 2): Đường kính 750mm, cao 1.850mm, thể tích 790 lít; vật liệu lọc bao gồm: sỏi đỡ 1x2 dày 15cm, hạt nhựa trao đổi ion DOWEX HCR-S dày 135cm.

e) Bể chứa nước sạch, trạm bơm cấp 2 và bơm nước thải:

- Bể chứa nước sạch: xây dựng bể chứa nước sạch có dung tích bể 100m³; kích thước bể: dài x rộng x cao (6,4 x 6,4 x 3,2)m; thành bể bằng BTCT đá 1x2 M250 dày 20cm; đáy bằng BTCT đá 1x2 M250 dày 25cm; ngoài bể trát vữa dày 2mm.

- Trạm bơm cấp 2: Sử dụng 03 máy bơm chìm (hỏa tiễn); trong đó: có 02 máy bơm công suất 9 m³/m và 01 máy công suất 18m³/h; cột nước 03 máy H=35(m).

- Bơm hút cạn: Sử dụng 01 máy bơm chìm đặt trong bể nước sạch; công suất bơm 15m³/h, cột nước H=4 (m).

f) Nhà quản lý: Nhà quản lý có diện tích 64m², nhà cấp IV, gồm 01 phòng làm việc, 01 phòng nghỉ nhân viên, 01 phòng vệ sinh. Nhà có kết cấu khung chịu lực, móng BTCT đá 1x2 M200, cột trụ BTCT đá 1x2 M200, tường xây gạch ống, vữa xi măng mác 75, mái lợp tôn, nền lát gạch men Ceramic 400x400, sơn nước trong và ngoài.

g) Nhà vận hành: Có diện tích 57m², nhà cấp IV, gồm 03 phòng: phòng chứa hóa chất, phòng đặt máy bơm hóa chất và phòng đặt hệ thống xử lý. Nhà kết cấu khung chịu lực, móng BTCT đá 1x2 M200, cột trụ BTCT đá 1x2 M200, tường xây gạch ống vữa xi măng M75, mái lợp tôn, nền lát gạch Ceramic 400x400, sơn nước trong và ngoài.

h) Đài nước: Xây dựng 01 đài nước có dung tích Wđ=12m³, cao 12m; kết cấu móng đài bằng BTCT đá 1x2 M250, hệ khung dàn đài bằng thép hình được mạ kẽm nhúng nóng. Đài đặt tại vị trí có cao độ đảm bảo áp lực cung cấp nước đến điểm bất lợi nhất.

k) Cổng tường rào:

- Cổng ra vào: Rộng 3,4m, trụ cổng bằng BTCT đá 1x2 M200 ốp gạch; cửa ra vào loại cửa kéo, kết cấu bằng thép hộp liên kết hàn.

- Hàng rào: Hàng rào có kết cấu móng xây đá hộc, cột trụ, đà giằng, đà kiềng BTCT đá 1x2 M 200, tường xây gạch, phần trên cắm que sắt hoa nhon.

l) Mạng đường ống nước sạch:

- Tuyến ống nước sạch được lắp đặt 2 bên hành lang tuyến đường ĐT759B và một số đường hẻm đi vào khu dân cư. Tổng chiều dài tuyến ống cấp nước là 9.266 (m). Trong đó:

+ Ống uPVC D.114x4,9mm: 6.558 m.

+ Ống uPVC D.90x3,8mm: 2.108 m.

+ Ống uPVC D.60x2,8mm: 600 m.

m) Hệ thống điện động lực, điều khiển, chiếu sáng: Lắp đặt tủ điện tổng điều khiển bơm cấp 1, bơm cấp 2, bơm hóa chất và hệ thống đường dây động lực, điều khiển, chiếu sáng cho khu nhà trạm.

n) Bể lắng bùn: xây dựng Bể lắng bùn để tiêu thoát nước mặt khu nhà trạm, bể có diện tích đáy bể 1,0x4,0m, diện tích mặt bể phía trên mặt đất 2,5x6,1m, chiều cao bể 2,4m; bể xây bằng đá học vữa M75.

o) Đường điện vận hành công trình:

- Đường dây trung áp: Toàn bộ đường dây sử dụng dây nhôm trần lõi thép 3ACX 50/8 mm² cho dây pha và AC 50/8mm² cho dây trung hòa.

- Trạm biến áp: Xây dựng trạm biến áp 3 pha 3x15kVA lắp đặt tại trụ 224/160B/01DT, dự trù xây dựng mới, tuyến 479 Lộc Ninh.

6.2. Công suất thiết kế: 200m³/ngày đêm.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Tân Thành, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

8. Diện tích sử dụng đất:

- Diện tích sử dụng đất cho cụm bể xử lý và nhà quản lý: 400m².

- Diện tích dành tuyến đường ống: 5.560m².

9. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư:

- Đất xây dựng nhà trạm bơm và khu xử lý: đất công do UBND xã Tân Thành, huyện Bù Đốp quản lý, bàn giao lại cho Chủ đầu tư thực hiện dự án.

- Để thực hiện tốt công tác thi công tuyến ống đúng tiến độ, đơn vị thi công cần phối hợp với chủ đầu tư, UBND xã Tân Thành tổ chức họp các thôn trong xã thông qua dự án và vận động hoặc hỗ trợ chi phí cho người dân trong vùng để tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị thi công triển khai dự án. Sau khi thi công phải hoàn trả lại mặt bằng theo hiện trạng ban đầu.

10. Tổng mức đầu tư: 11.285.535.944 đồng (Bằng chữ: Mười một tỷ, hai trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm bốn mươi bốn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	8.889.888.434 đồng
- Chi phí thiết bị:	715.138.746 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	125.139.917 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	1.053.276.165 đồng
- Chi phí khác:	101.766.085 đồng
- Dự phòng:	400.326.597 đồng

11. Nguồn vốn đầu tư: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch & Vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2013-2015, vốn khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ Đông Xuân năm 2014-2015 và vốn nhân dân đóng góp.



Trong đó:

- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch & Vệ sinh môi trường nông thôn và vốn khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ Đông Xuân năm 2014-2015: 8.123.426.384 đồng.

- Vốn do nhân dân đóng góp: 3.162.109.560.

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

13. Thời gian thực hiện: năm 2015 - 2016.

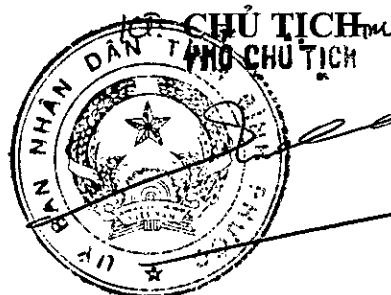
14. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chủ đầu tư trình thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu sau khi Báo cáo kinh tế kỹ thuật được phê duyệt.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng, tổ chức thực hiện tốt các nội dung tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước Bình Phước, Chủ tịch UBND huyện Bù Đốp, Chủ đầu tư và thủ trưởng các ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT;
- Như Điều 3;
- LĐVP, P.KTN;
- Lưu VT.(Trung) 6



Trần Ngọc Trai